

Số: 04 /2022/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 20 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học, thu hút nhân tài và khen thưởng khuyến khích tài năng tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 168/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định hỗ trợ đào tạo sau đại học, thu hút nhân tài và thưởng khuyến khích tài năng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 08/TTr-SNV ngày 06 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học, thu hút nhân tài và khen thưởng khuyến khích tài năng tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 và thay thế Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học; mức thưởng khuyến khích ưu đãi tài năng và thu hút nhân tài.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./th

Nơi nhận: *th*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- CV: HCQT^{Dữc};
- Lưu: VT, CVNC^{NH}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 20/01/2022 12:31:15

Trần Quốc Văn



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học, thu hút nhân tài
và khen thưởng khuyến khích tài năng tỉnh Hưng Yên**

(Kèm theo Quyết định số *04*/2022/QĐ-UBND ngày *20* tháng 01 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ, thẩm quyền và một số nội dung có liên quan trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 168/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học, thu hút nhân tài và thưởng khuyến khích tài năng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Những nội dung không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng Quy định này bao gồm các tập thể, cá nhân quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 168/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương II

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ VÀ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC, THU HÚT NHÂN TÀI VÀ KHEN THƯỞNG KHUYẾN KHÍCH TÀI NĂNG

Mục 1

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỬ ĐI ĐÀO TẠO VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện cử đi đào tạo và mức hỗ trợ đào tạo sau đại học

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 168/2021/NQ-HĐND, được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi đào tạo, hỗ trợ đào tạo sau đại học và có bằng tốt nghiệp khóa đào tạo được hỗ trợ một lần bằng tiền với các mức như sau:

1. Tiền sĩ và tương đương: Nam 105 triệu đồng (một trăm linh năm triệu đồng), nữ 120 triệu đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

2. Thạc sĩ và tương đương: Nam 30 triệu đồng (ba mươi triệu đồng), nữ 45 triệu đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Điều 4. Thẩm quyền quyết định cử đi đào tạo và hỗ trợ đào tạo sau đại học

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức thuộc các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quản lý;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định đối với các trường hợp là cán bộ, công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý;

3. Thẩm quyền quyết định cử đi đào tạo và hỗ trợ đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan của Đảng và tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý của tỉnh.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị cử đi đào tạo và hỗ trợ đào tạo sau đại học

Cơ quan, đơn vị có đối tượng được cử đi đào tạo và hưởng hỗ trợ đào tạo sau đại học chuẩn bị hồ sơ gồm:

1. Tờ trình của cơ quan, đơn vị.

2. Đơn xin đi học (trong đơn nêu rõ quá trình công tác của bản thân).

3. Bản cam kết đảm bảo thời gian công tác trong các cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh sau khi hoàn thành khóa học theo quy định.

4. Thông báo nhập học của cơ sở đào tạo có thẩm quyền.

5. Quyết định phân công công tác của cấp có thẩm quyền (trừ đối tượng cán bộ, công chức cấp xã).

6. Văn bản nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong 03 năm liên tục liền kề trước và tính đến thời điểm cử đi đào tạo theo quy định.

7. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học (đối với trường hợp được cử đi đào tạo thạc sĩ và tương đương); bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ và tương đương (đối với trường hợp được cử đi đào tạo tiến sĩ và tương đương).

Điều 6. Kinh phí thực hiện hỗ trợ đào tạo sau đại học

1. Kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị có đối tượng được cử đi đào tạo sau đại học.

2. Cấp nào quyết định cử đi học và hỗ trợ thì ngân sách cấp đó thực hiện chi trả, cụ thể:

a) Các đối tượng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử đi học và hỗ trợ: Chi từ nguồn ngân sách tỉnh;

b) Các đối tượng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cử đi học và hỗ trợ: Chi từ nguồn ngân sách cấp huyện.

Điều 7. Quản lý nhà nước đối với đối tượng được cử đi đào tạo và hỗ trợ đào tạo sau đại học

1. Trường hợp không chấp hành sự phân công, điều động của cấp có thẩm quyền hoặc tự ý nghỉ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa phục vụ đủ thời gian đã cam kết (trừ trường hợp thực hiện công tác luân chuyển cán bộ của cấp có thẩm quyền) thì phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ đào tạo sau đại học theo khoản 1 Điều 3 của Quy định này.

2. Không hỗ trợ đào tạo sau đại học đối với các trường hợp sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức không hoàn thành khóa học trong thời gian quy định của các cơ sở đào tạo do nguyên nhân chủ quan, phải gia hạn hoặc kéo dài thời gian học tập để hoàn thành khóa học.

b) Cán bộ, công chức, viên chức được cơ sở đào tạo hoặc đơn vị, tổ chức, cá nhân khác cấp học bổng toàn phần cho toàn khóa học.

Mục 2

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TIẾP NHẬN, TUYỂN DỤNG VÀ HỖ TRỢ THU HÚT NHÂN TÀI

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận, tuyển dụng và mức hỗ trợ theo chính sách thu hút nhân tài

Cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 168/2021/NQ-HĐND được hưởng chính sách thu hút nhân tài của tỉnh như sau:

1. Sau khi có quyết định tiếp nhận, tuyển dụng, đối tượng thu hút được hỗ trợ một lần bằng tiền với các mức như sau:

a) Tiến sĩ y khoa, Bác sĩ chuyên khoa II, Dược sĩ chuyên khoa II: 225 triệu đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng);

b) Thạc sĩ y khoa, Bác sĩ chuyên khoa I, Dược sĩ chuyên khoa I, Bác sĩ nội trú, Huấn luyện viên đã đào tạo được vận động viên đoạt huy chương ở các giải vô địch quốc gia, quốc tế; vận động viên cấp kiện tướng đã thi đấu ở các giải quốc gia, quốc tế có huy chương: 150 triệu đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);

c) Bác sĩ tốt nghiệp đại học hình thức đào tạo chính quy (hệ 6 năm) thuộc các trường đại học công lập, xếp loại khá trở lên về công tác tại các Bệnh viện chuyên khoa của tỉnh như: Bệnh viện Tâm thần kinh, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Bệnh nhiệt đới, Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa, trạm y tế cấp xã: 75 triệu đồng (bảy mươi lăm triệu đồng);

d) Người tốt nghiệp đại học thủ khoa hoặc xuất sắc, loại hình đào tạo chính quy tại các trường đại học trong nước; người tốt nghiệp đại học loại xuất sắc tại các trường đại học ở nước ngoài (hoặc các trường đại học nước ngoài được thành lập và hoạt động ở Việt Nam) về công tác tại các cơ quan, đơn vị cấp

tỉnh, huyện, xã (nếu có chuyên ngành phù hợp với chức danh tuyển dụng): 75 triệu đồng (bảy mươi lăm triệu đồng);

đ) Người tốt nghiệp đại học loại giỏi tại các trường đại học trong nước; loại khá, loại giỏi tại các trường đại học ở nước ngoài (hoặc trường đại học nước ngoài được thành lập và hoạt động tại Việt Nam), có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng: 20 triệu đồng (hai mươi triệu đồng);

2. Đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ, đồng thời thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, sau khi được tuyển dụng, ngoài chế độ được hưởng theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ còn được hỗ trợ một lần bằng tiền tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Các trường hợp thuộc đối tượng thu hút được ưu tiên (khi có cùng đối tượng ngang bằng về tiêu chuẩn, điều kiện) trong việc cử đi thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp; xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ; đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiếp nhận, tuyển dụng và hỗ trợ theo chính sách thu hút nhân tài

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức thuộc các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quản lý;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định đối với các trường hợp là công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý;

3. Thẩm quyền quyết định tiếp nhận, tuyển dụng và hỗ trợ theo chính sách thu hút nhân tài đối với công chức, viên chức thuộc các cơ quan của Đảng và tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện: Thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý của tỉnh.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị tiếp nhận, tuyển dụng và hỗ trợ theo chính sách thu hút nhân tài

Cơ quan, đơn vị có đối tượng đề nghị hưởng chế độ thu hút nhân tài chuẩn bị hồ sơ gồm:

1. Công văn đề nghị của thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố về việc đề nghị quyết định tiếp nhận, tuyển dụng công chức, viên chức và hỗ trợ theo chế độ thu hút nhân tài.

2. Đơn đề nghị tiếp nhận, tuyển dụng công chức, viên chức và hỗ trợ theo chế độ thu hút nhân tài của cá nhân, có cam kết công tác lâu dài tại tỉnh (từ 10 năm trở lên).

3. Bản sơ yếu lý lịch theo mẫu 2C (đối với trường hợp tiếp nhận) và sơ yếu lý lịch tự thuật (đối với trường hợp tuyển mới) có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ.

4. Bản sao giấy khai sinh.

5. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

6. Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển. Đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp các trường đại học ở nước ngoài hoặc trường đại học của nước ngoài được thành lập và hoạt động ở Việt Nam phải có văn bản công nhận của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

7. Bản sao quyết định tuyển dụng, quyết định lương hiện hưởng và các giấy tờ khác có liên quan (đối với trường hợp tiếp nhận).

8. Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển (đối với trường hợp tuyển dụng);

9. Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

Điều 11. Kinh phí thực hiện hỗ trợ đối tượng được hưởng chính sách thu hút nhân tài

1. Kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị thu hút nhân tài.

2. Cấp nào quyết định tiếp nhận, tuyển dụng thì cấp đó quyết định hỗ trợ và kinh phí lấy từ nguồn ngân sách của cấp đó.

Điều 12. Quản lý nhà nước đối với đối tượng được hưởng chính sách thu hút nhân tài

Trường hợp không chấp hành sự phân công, điều động của cấp có thẩm quyền hoặc tự ý nghỉ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa phục vụ đủ thời gian đã cam kết (trừ trường hợp thực hiện công tác luân chuyển cán bộ của cấp có thẩm quyền) hoặc vi phạm pháp luật bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc (trừ trường hợp bất khả kháng như tai nạn lao động, tai nạn giao thông... làm suy giảm sức khỏe, trí tuệ khó hoàn thành nhiệm vụ được giao) thì phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ thu hút nhân tài theo khoản 1 Điều 8 Quy định này.

Mục 3

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG KHUYẾN KHÍCH TÀI NĂNG

Điều 13. Tiêu chuẩn, điều kiện và mức khen thưởng khuyến khích tài năng

Tập thể, cá nhân quy định tại Điều 2 Quy định này khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 168/2021/NQ-HĐND được thưởng theo chế độ khuyến khích tài năng của tỉnh như sau:

1. Học sinh, sinh viên quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 168/2021/NQ-HĐND:

a) Đoạt giải quốc gia

Giải Nhất và tương đương: 20 triệu đồng (hai mươi triệu đồng);

Giải Nhì và tương đương: 15 triệu đồng (mười lăm triệu đồng);

Giải Ba và tương đương: 10 triệu đồng (mười triệu đồng);

Giải Khuyến khích và tương đương: 05 triệu đồng (năm triệu đồng).

b) Đoạt giải Khu vực Đông Nam Á

Giải Nhất và tương đương: 50 triệu đồng (năm mươi triệu đồng);

Giải Nhì và tương đương: 35 triệu đồng (ba mươi lăm triệu đồng);

Giải Ba và tương đương: 25 triệu đồng (hai mươi lăm triệu đồng);

Giải Khuyến khích và tương đương: 15 triệu đồng (mười lăm triệu đồng).

c) Đoạt giải Châu Á

Giải Nhất và tương đương: 70 triệu đồng (bảy mươi triệu đồng);

Giải Nhì và tương đương: 55 triệu đồng (năm mươi lăm triệu đồng);

Giải Ba và tương đương: 45 triệu đồng (bốn mươi lăm triệu đồng);

Giải Khuyến khích và tương đương: 25 triệu đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

d) Đoạt giải Quốc tế:

Giải Nhất và tương đương: 90 triệu đồng (chín mươi triệu đồng);

Giải Nhì và tương đương: 75 triệu đồng (bảy mươi lăm triệu đồng);

Giải Ba và tương đương: 60 triệu đồng (sáu mươi triệu đồng);

Giải Khuyến khích và tương đương: 30 triệu đồng (ba mươi triệu đồng).

2. Mỗi giáo viên, giảng viên được cử vào trong đội tuyển (đoàn) của tỉnh trực tiếp đào tạo, hướng dẫn, bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên trong đội tuyển (đoàn) của tỉnh đoạt giải nêu tại khoản 1 Điều này:

a) Có 01 học sinh, sinh viên đoạt giải: 50% (năm mươi phần trăm) mức thưởng tương ứng đối với học sinh, sinh viên đoạt giải;

b) Có từ hai học sinh, sinh viên đoạt giải trở lên được thưởng bằng mức thưởng của học sinh, sinh viên có giải cao nhất.

3. Giáo viên, giảng viên đoạt giải trong cuộc thi dạy giỏi toàn quốc:

a) Giải Nhất và tương đương: 15 triệu đồng (mười lăm triệu đồng);

b) Giải Nhì và tương đương: 10 triệu đồng (mười triệu đồng);

c) Giải Ba và tương đương: 08 triệu đồng (tám triệu đồng);

d) Giải Khuyến khích và tương đương: 05 triệu đồng (năm triệu đồng).

4. Học sinh trong tỉnh tham gia kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (lần đầu) đạt trung bình các môn từ 9 điểm trở lên và không có môn dưới 8,5 điểm: 15 triệu đồng (Mười lăm triệu đồng).

5. Mức thưởng đối với cá nhân thuộc các đội tuyển (đoàn) do tỉnh Hưng Yên cử tham gia các cuộc thi từ cấp quốc gia trở lên và đoạt giải quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 168/2021/NQ-HĐND:

a) Đoạt giải quốc gia

Giải Nhất và tương đương: 30 triệu đồng (ba mươi triệu đồng);

Giải Nhì và tương đương: 25 triệu đồng (hai mươi lăm triệu đồng);

Giải Ba và tương đương: 15 triệu đồng (mười lăm triệu đồng);

Giải Khuyến khích và tương đương: 10 triệu đồng (mười triệu đồng).

b) Đoạt giải Khu vực Đông Nam Á

Giải Nhất và tương đương: 40 triệu đồng (bốn mươi triệu đồng);

Giải Nhì và tương đương: 30 triệu đồng (ba mươi triệu đồng);

Giải Ba và tương đương: 25 triệu đồng (hai mươi lăm triệu đồng);

Giải Khuyến khích và tương đương: 15 triệu đồng (mười lăm triệu đồng).

c) Đoạt giải Châu Á

Giải Nhất và tương đương: 55 triệu đồng (năm mươi lăm triệu đồng);

Giải Nhì và tương đương: 45 triệu đồng (bốn mươi lăm triệu đồng);

Giải Ba và tương đương: 40 triệu đồng (bốn mươi triệu đồng);

Giải Khuyến khích và tương đương: 20 triệu đồng (hai mươi triệu đồng).

d) Đoạt giải Quốc tế

Giải Nhất và tương đương: 75 triệu đồng (bảy mươi lăm triệu đồng);

Giải Nhì và tương đương: 68 triệu đồng (sáu mươi tám triệu đồng);

Giải Ba và tương đương: 60 triệu đồng (sáu mươi triệu đồng);

Giải Khuyến khích và tương đương: 30 triệu (ba mươi triệu đồng).

6. Tập thể đoạt các giải như cá nhân nêu tại khoản 5 Điều này thì được thưởng gấp 2 lần mức thưởng tương ứng đối với cá nhân.

7. Cá nhân thuộc các đội tuyển (đoàn) của tỉnh Hưng Yên (hoặc người ngoài tỉnh có tác phẩm về Hưng Yên) đoạt giải trong cuộc thi chuyên nghiệp hoặc không chuyên nghiệp toàn quốc trở lên quy định tại điểm c khoản 3 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 168/2021/NQ-HĐND:

a) Đoạt giải quốc gia

Giải Nhất và tương đương: 25 triệu đồng (hai mươi lăm triệu đồng);

Giải Nhì và tương đương: 15 triệu đồng (mười lăm triệu đồng);
 Giải Ba và tương đương: 10 triệu đồng (mười triệu đồng);
 Giải Khuyến khích và tương đương: 05 triệu đồng (năm triệu đồng).

b) Đoạt giải Khu vực Đông Nam Á:

Giải Nhất và tương đương: 35 triệu đồng (ba mươi lăm triệu đồng);
 Giải Nhì và tương đương: 25 triệu đồng (hai mươi lăm triệu đồng);
 Giải Ba và tương đương: 20 triệu đồng (hai mươi triệu đồng);
 Giải Khuyến khích và tương đương: 10 triệu đồng (mười triệu đồng).

c) Đoạt giải Châu Á

Giải Nhất và tương đương: 50 triệu đồng (năm mươi triệu đồng);
 Giải Nhì và tương đương: 35 triệu đồng (ba mươi lăm triệu đồng);
 Giải Ba và tương đương: 25 triệu đồng (hai mươi lăm triệu đồng);
 Giải Khuyến khích và tương đương: 15 triệu đồng (mười lăm triệu đồng).

d) Đoạt giải Quốc tế

Giải Nhất và tương đương: 70 triệu đồng (bảy mươi triệu đồng);
 Giải Nhì và tương đương: 50 triệu đồng (năm mươi triệu đồng);
 Giải Ba và tương đương: 35 triệu đồng (ba mươi lăm triệu đồng);
 Giải Khuyến khích và tương đương: 20 triệu đồng (hai mươi triệu đồng).

8. Tập thể thuộc các đội tuyển (đoàn) của tỉnh Hưng Yên (hoặc ngoài tỉnh có tác phẩm về Hưng Yên) đoạt giải như cá nhân nêu tại khoản 7 Điều này: Được thưởng gấp 2 lần mức thưởng tương ứng đối với cá nhân.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định khen thưởng khuyến khích tài năng

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng khuyến khích tài năng đối với các tập thể, cá nhân lập được thành tích theo quy định tại Điều 13 Quy định này.

Điều 15. Hồ sơ đề nghị đề nghị khen thưởng khuyến khích tài năng

Cơ quan, đơn vị được giao là cơ quan chủ trì tổ chức các đội tuyển (đoàn) của tỉnh tham gia các cuộc thi nêu tại Quy định này chuẩn bị hồ sơ gửi về Sở Nội vụ (số lượng 02 bộ), gồm:

1. Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị (chậm nhất 30 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền công bố thành tích).

2. Đơn đề nghị của tập thể, cá nhân có thành tích được công nhận.

3. Bản sao giấy chứng nhận thành tích hoặc quyết định công nhận của Ban Tổ chức giải (khi trình khen thưởng phải kèm theo Bản Chứng nhận thành tích gốc để cơ quan thẩm định kiểm tra).

Đối với Bản chứng nhận bằng ngôn ngữ nước ngoài phải được dịch thuật, công chứng sang tiếng Việt Nam theo quy định.

4. Các văn bản khác có liên quan đến thành lập đội tuyển (đoàn); cử người hướng dẫn, bồi dưỡng trực tiếp.

5. Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

Điều 16. Kinh phí thực hiện khen thưởng khuyến khích tài năng

Kinh phí thưởng khuyến khích tài năng lấy từ Quỹ khen thưởng tỉnh hàng năm theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 168/2021/NQ-HĐND.

Điều 17. Quản lý nhà nước đối với đối tượng được khen thưởng khuyến khích tài năng

1. Các tập thể, cá nhân thuộc đối tượng của Quy định này đã được bộ, ngành Trung ương tặng Bằng khen thì tỉnh không tặng Bằng khen mà chỉ thưởng khuyến khích tài năng theo mức thưởng của Quy định này.

Trường hợp bộ, ngành Trung ương chưa tặng Bằng khen thì tỉnh quyết định thưởng khuyến khích tài năng theo mức thưởng của Quy định này và tặng Bằng khen kèm tiền thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Tỉnh không thưởng khuyến khích tài năng đối với tập thể, cá nhân tham gia cuộc thi đoạt giải đã được bộ, ngành Trung ương hoặc Ban Tổ chức cuộc thi thưởng từ nguồn ngân sách Nhà nước (trừ trường hợp các tập thể, cá nhân đã từ chối không nhận tiền thưởng của bộ, ngành Trung ương hoặc Ban Tổ chức cuộc thi).

3. Trong cùng một cuộc thi, mỗi tập thể, cá nhân đạt được nhiều giải thưởng ở các nội dung thi khác nhau thì được nhận một mức thưởng của giải thưởng cao nhất.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Nội vụ

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử đi đào tạo và hỗ trợ đào tạo sau đại học theo Quy định này trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị theo quy định;

b) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch nhu cầu thu hút nhân tài hàng năm của tỉnh; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiếp nhận, tuyển dụng, hỗ trợ thu hút nhân tài hoặc giải quyết cho đối tượng được chuyển công tác, nghỉ việc theo Quy định này, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị theo quy định;

c) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng khuyến khích tài năng theo Quy định này trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định;

d) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố về việc thực hiện Quy định này;

đ) Thực hiện chế độ báo cáo thống kê kết quả thực hiện Quy định này và các nhiệm vụ, quyền hạn khác có liên quan theo quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì tham mưu, quản lý, cấp kinh phí chi hỗ trợ đào tạo sau đại học, thu hút nhân tài và thưởng khuyến khích tài năng hằng năm theo Nghị quyết số 168/2021/NQ-HĐND.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết số 168/2021/NQ-HĐND; Quyết định này và các văn bản khác có liên quan đến các tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đào tạo sau đại học và kế hoạch thu hút nhân tài hằng năm theo quy định.

c) Lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử và hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo sau đại học theo Quy định này, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị kèm theo hồ sơ của cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện việc hỗ trợ kinh phí trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng tốt nghiệp sau đại học của cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện bố trí, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức đã được hưởng chính sách hỗ trợ của tỉnh đảm bảo hiệu quả và đúng quy định; chủ trì thực hiện hoặc chỉ đạo đơn vị trực thuộc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo về các vấn đề có liên quan đến việc cử đi đào tạo và hỗ trợ đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý. Là nguyên đơn trong vụ án hành chính khi đề nghị Tòa án giải quyết vi phạm cam kết của các đối tượng được hỗ trợ kinh phí đào tạo sau đại học.

d) Tiếp nhận hồ sơ của người đề nghị thu hút nhân tài và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc thu hút nhân tài theo quy định của pháp luật, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị theo quy định; quyết định tiếp nhận, tuyển dụng thu hút nhân tài theo thẩm quyền quản lý; thực hiện việc hỗ trợ thu hút nhân tài trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí hỗ trợ đối tượng thu hút theo quy định; bố trí, sử dụng và quản lý đối tượng thu hút nhân tài đảm bảo hiệu quả và đúng quy định; thu hồi tiền hỗ trợ khi đối tượng xin chuyển công tác ra khỏi phạm vi quản lý về biên chế của tỉnh hoặc thôi việc trước thời hạn cam kết theo quy định; chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận đủ kinh phí hỗ trợ thu hồi của đối tượng, phải có văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền đồng ý cho các đối tượng thu hút được chuyển công tác hoặc nghỉ việc theo nguyện vọng; chủ trì thực hiện hoặc chỉ đạo đơn vị trực thuộc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo về các vấn đề có liên quan đến việc thu hút nhân tài. Là nguyên đơn trong vụ án hành chính khi đề nghị Tòa án giải quyết vi phạm cam kết của các đối tượng được thu hút nhân tài.

đ) Lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng tài năng theo Quy định này, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của tập thể, cá nhân có thành tích được công nhận.

e) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra các tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý về việc thực hiện Quy định này;

g) Thực hiện chế độ báo cáo thông kê kết quả thực hiện Quy định này và các nhiệm vụ, quyền hạn khác có liên quan theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đào tạo sau đại học hàng năm đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định; quyết định cử và hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã đi đào tạo sau đại học theo Quy định này trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Quyết định tiếp nhận, tuyển dụng và hỗ trợ đối tượng thu hút nhân tài theo Quy định này trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 19. Quy định chuyển tiếp

Cán bộ, công chức, viên chức đã được cử đi học theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học, mức thưởng khuyến khích ưu đãi tài năng và thu hút nhân tài; nếu tốt nghiệp sau ngày Quy định này có hiệu lực thì thực hiện hỗ trợ theo Quy định này.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.